

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

Thời gian : 18h15 - 23/09/2025 - Phòng : 508 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN          | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP            | DL BT   | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|--------------------|-----------|------------|----------------|---------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                    |           |            |                |         |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 27205434656 | Đặng Nguyễn Phương | Anh       | 21/11/2003 | Phú Yên        | 31CBN5  |        |        |      |     |          |
| 2  | 27215402074 | Trịnh Quốc         | Hung      | 06/09/2000 | Huế            | 31CBN5  |        |        |      |     |          |
| 3  | 27215343759 | Đoàn Duy           | Minh      | 06/10/2003 | Lâm Đồng       | 31CBN5  |        |        |      |     |          |
| 4  | 28204351025 | Trần Phạm Diễm     | Hiếu      | 13/01/2004 | Quảng Nam      | 31CHT5  |        |        |      |     |          |
| 5  | 27212929889 | Đặng Văn           | Hung      | 15/01/2003 | Nghệ An        | 31CHT5  |        |        |      |     |          |
| 6  | 28211150005 | Trần Khánh         | Hung      | 07/06/2003 | Đắk Lắk        | 31CHT5  |        |        |      |     |          |
| 7  | 28209500591 | Nguyễn Thị Xuân    | Huong     | 02/05/2004 | Quảng Trị      | 31CHT5  |        |        |      |     |          |
| 8  | 30204557389 | Đặng Quỳnh         | Lê        | 19/03/2006 | Hà Tĩnh        | 31CHT5  |        |        |      |     |          |
| 9  | 29208150767 | Phạm Thị Ly        | Ly        | 02/04/2005 | Quảng Nam      | 31CHT5  |        |        |      |     |          |
| 10 | 28208101802 | Phan Thị Nhã       | My        | 08/07/1999 | Đà Nẵng        | 31CHT5  |        |        |      |     |          |
| 11 | 26207229150 | Hồ Trần Minh       | Phuong    | 13/08/2002 | Đà Nẵng        | 29THT8  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 12 | 26207130806 | Trần Thị           | Thương    | 25/11/2002 | Quảng Ngãi     | 30CSC5  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 13 | 27207540496 | Lê Thị Mỹ          | Duyên     | 11/09/2003 | Quảng Nam      | 30CSC6  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 14 | 27207538566 | Đặng Thị           | Nhung     | 23/03/2002 | Quảng Ngãi     | 30CSC6  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 15 | 27202543463 | Nguyễn Thị Thảo    | Vi        | 22/05/2003 | Quảng Nam      | 30CSC9  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 16 | 26218642558 | Lê Anh             | Tuấn      | 22/08/2002 | Thừa Thiên Huế | 30SYC2  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 17 | 27207228730 | Nguyễn Vũ Tịnh     | Quyên     | 23/07/2003 | Hội An         | 30TBN15 |        |        |      |     | Lần 1    |
| 18 | 26203222725 | Nguyễn Thị Thanh   | Tú        | 29/04/2002 | Đắk Lắk        | 30THT11 |        |        |      |     | Lần 1    |
| 19 | 27202239106 | Phan Thị Đan       | Trâm      | 06/05/2003 | Quảng Trị      | 30TSC9  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 20 | 27202641658 | Trương Thị Kiều    | Trinh     | 30/06/2003 | Đắk Lắk        | 30TYC2  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 21 | 28204942764 | Lương Xuân         | Thư       | 22/01/2004 | Quảng Nam      | 30TYC6  |        |        |      |     | Thi ghép |
| 22 | 27212246140 | Phạm Thu           | Thủy      | 15/05/2003 | Gia Lai        | 31CBN2  |        |        |      |     | Thi ghép |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 23/09/2025 - Phòng : 609 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH  | NƠI SINH   | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|----------------------|------------|------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                      |            |            |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 24213705480 | Nguyễn Minh Nhật     | 16/11/2000 | Đà Nẵng    | 31CHT5 |       |        |        |      |     |         |
| 2  | 28204646545 | Nguyễn Thị Quỳnh Nhi | 18/03/2004 | Gia Lai    | 31CHT5 |       |        |        |      |     |         |
| 3  | 28204706379 | Đỗ Hoàng Nhung       | 28/04/2004 | Đà Nẵng    | 31CHT5 |       |        |        |      |     |         |
| 4  | 27214329264 | Phạm Phú Quốc        | 01/05/2003 | Quảng Nam  | 31CHT5 |       |        |        |      |     |         |
| 5  | 27203336438 | Nguyễn Thị Lệ Quyên  | 17/02/2003 | Ninh Bình  | 31CHT5 |       |        |        |      |     |         |
| 6  | 27203342189 | Dương Xuân Quỳnh     | 29/10/2003 | Quảng Nam  | 31CHT5 |       |        |        |      |     |         |
| 7  | 27214303182 | Nguyễn Quang Thắng   | 18/12/2001 | Quảng Nam  | 31CHT5 |       |        |        |      |     |         |
| 8  | 29204661377 | Ngô Huyền Thanh      | 08/04/2005 | Quảng Ngãi | 31CHT5 |       |        |        |      |     |         |
| 9  | 28206104384 | Nguyễn Nhiên Thảo    | 29/11/2004 | Quảng Trị  | 31CHT5 |       |        |        |      |     |         |
| 10 | 28219447238 | Lê Huỳnh Thu         | 12/10/2004 | Bình Định  | 31CHT5 |       |        |        |      |     |         |
| 11 | 28204901936 | Huỳnh Thị Thu Yên    | 15/08/2004 | Đà Nẵng    | 31CHT5 |       |        |        |      |     |         |
| 12 | 29219424985 | Trần Thanh Bình      | 13/05/2005 | Gia Lai    | 31CSC4 |       |        |        |      |     |         |
| 13 | 27215201940 | Phạm Thế Chương      | 27/10/2003 | Quảng Ngãi | 31CSC4 |       |        |        |      |     |         |
| 14 | 26215332132 | Nguyễn Hoài Đức      | 25/09/2002 | Bình Định  | 31CSC4 |       |        |        |      |     |         |
| 15 | 29204640015 | Đỗ Thị Hồng Hà       | 30/09/2005 | Gia Lai    | 31CSC4 |       |        |        |      |     |         |
| 16 | 27205230323 | Trần Thị Thanh Hằng  | 27/04/2003 | Bình Định  | 31CSC4 |       |        |        |      |     |         |
| 17 | 26205339272 | Võ Nguyễn Thu Hiền   | 09/05/2002 | Bình Định  | 31CSC4 |       |        |        |      |     |         |
| 18 | 26215300830 | Nguyễn Quang Minh    | 18/08/2002 | Huế        | 31CSC4 |       |        |        |      |     |         |
| 19 | 26205339286 | Trần Thị Thùy Hương  | 01/10/2002 | Quảng Ngãi | 31CSC4 |       |        |        |      |     |         |
| 20 | 27218245446 | Bùi Quang Huy        | 18/02/2003 | Kon Tum    | 31CSC4 |       |        |        |      |     |         |
| 21 | 27215345031 | Hoàng Như Huyền      | 04/04/2003 | Quảng Bình | 31CSC4 |       |        |        |      |     |         |
| 22 | 26215339291 | Lê Nguyễn Minh Khoa  | 20/04/2002 | Khánh Hòa  | 31CSC4 |       |        |        |      |     |         |
| 23 | 27218238448 | Phạm Thanh Lành      | 07/04/2003 | Quảng Nam  | 31CSC4 |       |        |        |      |     |         |
| 24 | 29204654545 | Lưu Khánh Ly         | 20/01/2004 | Hà Tĩnh    | 31CSC4 |       |        |        |      |     |         |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 23/09/2025 - Phòng : 610 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN        | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|------------------|-----------|------------|------------|--------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                  |           |            |            |        |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 27218239397 | Văn Thanh Hoàng  | Nam       | 19/09/2003 | Quảng Nam  | 31CSC4 |        |        |      |     |          |
| 2  | 27211321109 | Huỳnh Minh       | Phát      | 24/02/2003 | Quảng Ngãi | 31CSC4 |        |        |      |     |          |
| 3  | 27211736464 | Lê Tấn Hoàn      | Phúc      | 06/07/2003 | Quảng Nam  | 31CSC4 |        |        |      |     |          |
| 4  | 26215341707 | Võ Việt          | Thắng     | 10/06/2002 | Bình Định  | 31CSC4 |        |        |      |     |          |
| 5  | 28204554418 | Lê Thị           | Thảo      | 02/08/2004 | Quảng Nam  | 31CSC4 |        |        |      |     |          |
| 6  | 26205333239 | Nguyễn Thị Anh   | Thư       | 25/05/2002 | Quảng Nam  | 31CSC4 |        |        |      |     |          |
| 7  | 26205339345 | Ngô Thị Mến      | Thương    | 08/05/2002 | Quảng Ngãi | 31CSC4 |        |        |      |     |          |
| 8  | 28204105157 | Nguyễn Thị Thanh | Trà       | 17/10/2004 | Quảng Nam  | 31CSC4 |        |        |      |     |          |
| 9  | 27217144200 | Nguyễn Công      | Tú        | 24/12/2003 | Quảng Trị  | 31CSC4 |        |        |      |     |          |
| 10 | 27211226957 | Trần Hoàng Gia   | Bảo       | 15/10/2003 | Huế        | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 11 | 29206245929 | Nguyễn Thị Ánh   | Duyên     | 07/04/2005 | Gia Lai    | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 12 | 26205339283 | Lê Thị Mỹ        | Hương     | 17/04/2002 | Đà Nẵng    | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 13 | 26215339281 | Vũ Quang         | Huy       | 28/08/2002 | Kon Tum    | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 14 | 26215334851 | Hồ Vĩnh          | Khoa      | 04/03/2002 | Quảng Nam  | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 15 | 29206264826 | Phan Thùy        | Linh      | 03/09/2004 | Đắk Lắk    | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 16 | 26205339309 | Trần Hà          | Ngân      | 21/01/2002 | Đà Nẵng    | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 17 | 26204732390 | Bùi Thị Bích     | Ngọc      | 03/12/1997 | Đà Nẵng    | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 18 | 26207231088 | Lê Thị Thanh     | Nhân      | 26/07/2002 | Quảng Nam  | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 19 | 27212842462 | Ông Văn          | Quý       | 08/11/2003 | Đà Nẵng    | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 20 | 26211534735 | Nguyễn Phước     | Sang      | 31/08/2002 | Đà Nẵng    | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 21 | 27212844235 | Nguyễn Hữu Ngọc  | Thảo      | 24/05/2003 | Đà Nẵng    | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 22 | 26215332679 | Nguyễn Đức       | Trung     | 25/03/2002 | Quảng Bình | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 23 | 29206242548 | Nguyễn Thị Thanh | Xuân      | 29/10/2005 | Quảng Nam  | 31CSC5 |        |        |      |     |          |
| 24 | 27212603091 | Đinh Thục        | Phương    | 12/09/2003 | Quảng Trị  | 31CYC3 |        |        |      |     | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 09/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 23/09/2025 - Phòng : 623 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN       | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|-----------------|-----------|------------|------------|--------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                 |           |            |            |        |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 27211749236 | Phạm Ngọc       | Ánh       | 09/10/2003 | Quảng Ngãi | 31CYC5 |        |        |      |     |          |
| 2  | 26211736158 | Phạm Phú        | Bảo       | 12/01/2002 | Đắk Lắk    | 31CYC5 |        |        |      |     |          |
| 3  | 27211721615 | Phạm Duy        | Bảo       | 04/02/2003 | Quảng Ngãi | 31CYC5 |        |        |      |     |          |
| 4  | 27215450203 | Trịnh Anh       | Dũng      | 23/11/2003 | Hà Tĩnh    | 31CYC5 |        |        |      |     |          |
| 5  | 27211341368 | Nguyễn Lương    | Hải       | 23/10/2003 | Quảng Trị  | 31CYC5 |        |        |      |     |          |
| 6  | 27211734039 | Lê Trung        | Hiếu      | 02/07/2003 | Thanh Hóa  | 31CYC5 |        |        |      |     |          |
| 7  | 28206545883 | Nguyễn Thị Mai  | Hương     | 22/05/2003 | Quảng Bình | 31CYC5 |        |        |      |     |          |
| 8  | 27212135962 | Dương Đức       | Kỳ        | 07/11/2003 | Hà Tĩnh    | 31CYC5 |        |        |      |     |          |
| 9  | 28216935219 | Trần Ngọc       | Minh      | 28/06/2004 | Quảng Trị  | 31CYC5 |        |        |      |     |          |
| 10 | 28206506449 | Huỳnh Thị Thúy  | Nga       | 27/10/2004 | Bình Định  | 31CYC5 |        |        |      |     |          |
| 11 | 28206500258 | Đặng Yên        | Như       | 01/09/2004 | Bình Định  | 31CYC5 |        |        |      |     |          |
| 12 | 27217140008 | Nguyễn Thanh    | Tài       | 07/04/2003 | Quảng Nam  | 31CYC5 |        |        |      |     |          |
| 13 | 27215450533 | Lê Đình         | Thành     | 29/05/2001 | Bà Rịa     | 31CYC5 |        |        |      |     |          |
| 14 | 27218240949 | Phan Việt       | Khánh     | 15/02/2003 | Đà Nẵng    | 31SBN3 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 15 | 27218528870 | Lê Trung        | Kiên      | 13/07/2003 | Đắk Lắk    | 31TBN2 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 16 | 27204337320 | Lê Vũ Khánh     | Nhi       | 29/08/2003 | Đà Nẵng    | 31TBN2 |        |        |      |     | Lần 1    |
| 17 | 27217028683 | Phạm Vũ         | Thái      | 18/09/2003 | Quảng Nam  | 31THT2 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 18 | 27217042354 | Đoàn Ngọc       | Thảo      | 10/02/2003 | Quảng Nam  | 31THT2 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 19 | 28214305386 | Nguyễn Như Hải  | Triều     | 17/03/2004 | Đà Nẵng    | 31TSC4 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 20 | 28207102440 | Nguyễn Thị Bích | Ngọc      | 26/04/2004 | Kon Tum    | 31TSC5 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 21 | 28208126220 | Uông Thị Quỳnh  | Như       | 13/10/2003 | Đắk Lắk    | 31TSC5 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 22 | 28206200590 | Lương Huyền     | Trang     | 18/10/2004 | Gia Lai    | 31TSC5 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 23 | 29204653982 | Nguyễn Thị      | Phương    | 20/09/2005 | Thanh Hóa  | 31TSC6 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 24 | 27202243943 | Nguyễn Thị Băng | Nhạn      | 23/10/2003 | Gia Lai    | 31TYC5 |        |        |      |     | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**